

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2023

*“Về ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/4/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 11/2023/HNGĐST- QĐ ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Đức T, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị N và bị đơn anh Đặng Đức T đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau ngày 09/4/2010, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là phường Đ, thành phố C), tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại T - Đ - Chí Linh - Hải Dương.

Theo chị N trình bày: Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T mãi chơi, không chăm chỉ làm ăn, thường xuyên đi chơi qua

đêm. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không khắc phục bản thân, không sửa đổi những sai trái do bản thân gây ra; gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều lần, chị cũng nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Mỗi lần chị bỏ nhà đi thì anh T đều xin lỗi chị, vì thương con nên chị quay lại sống cùng anh T. Tuy nhiên anh T không thay đổi, vẫn mãi chơi và thường xuyên đi chơi qua đêm. Mỗi lần chị khuyên bảo thì anh T lại chửi bới, xúc phạm chị vô cớ. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh T không thay đổi những khuyết điểm của bản thân và còn ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm chị. Tuy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nhưng vì thương con nên chị vẫn sống cùng nhà với anh T để chăm sóc con cái. Đến tháng 9/2022 chị bỏ về quê ở Cẩm Giàng – Hải Dương sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T có xin lỗi chị nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng không thể khắc phục được nên chị không quay về chung sống với anh T. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Theo anh T trình bày: Quá trình chung sống, giữa anh và chị N thường xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn về quan điểm sống; chị N không quan tâm đến gia đình, con cái. Mặt khác, chị N không chung thủy và thường xuyên bỏ nhà đi mà không trao đổi với anh. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 10/2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định đến nay anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị N xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị N.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đặng Vân A sinh ngày 17/5/2011 và Đặng Đức H, sinh ngày 24/11/2013. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng anh T. Chị N và anh T đều thống nhất thoả thuận khi ly hôn sẽ giao cháu Vân A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

- Về quan hệ tài sản: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông Đặng Đức V và bà Nguyễn Thị C là bố mẹ đẻ của anh T trình bày: Khoảng tháng 10/2022 thì ông bà biết được anh T và chị N mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi. Ông bà không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị và ông bà có điện thoại khuyên chị N quay về chung sống với anh T để cùng nuôi dạy con cái nhưng chị N không đồng ý. Hiện nay anh T và chị N đang ly thân, chị N không còn quan tâm đến anh T.

Cháu Đặng Vân A có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Đặng Đức H có nguyện vọng xin được ở với bố.

Theo xác minh tại khu dân cư T, phường Đ: Khoảng tháng 10/2022, trưởng khu dân cư biết được anh T và chị N có mâu thuẫn và chị N đã bỏ nhà đi. Trưởng khu dân cư đã nhiều lần động viên anh chị về đoàn tụ nhưng chị N không về đoàn tụ với anh T. Hiện nay tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã căng thẳng.

Toà án đã nhiều lần hoà giải cho chị N và anh T tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T đồng ý theo nội dung khởi kiện của chị N nhưng không ký biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành với lý do anh muốn để cho Toà án xét xử vụ án.

- *Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N, cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Đặng Đức T. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đặng Văn A, sinh ngày 17/5/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đặng Đức H, sinh ngày 24/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận, thay đổi khác. Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, bị đơn là anh Đặng Đức T cư trú tại: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, Ngân hàng chính sách xã hội tham gia vụ án với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có yêu cầu độc lập với nội dung đề nghị anh T và chị N trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó Ngân hàng đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập trong vụ án và Toà án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, Ngân hàng không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Toà án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn là chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị N và anh T kết hôn với nhau ngày 09/4/2010 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Chí Linh (nay là phường Đ, thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị N và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, không có lòng tin đối với nhau. Mặc dù anh chị đã được gia đình, Tòa án hoà giải nhiều lần nhưng đến nay vẫn không khắc phục được mâu thuẫn và hiện đang ly thân, không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau. Chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T, anh T tuy không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành tại phiên hoà giải với lý do để Tòa án xét xử vụ án nhưng anh thừa nhận tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không khắc phục được, anh đồng ý ly hôn chị N. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đều thống nhất thoả thuận: Khi ly hôn sẽ giao con chung Đặng Vân A, sinh ngày 17/5/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đặng Đức H, sinh ngày 24/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Bản thân cháu Vân A có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu H có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung Đặng Vân A, sinh ngày 17/5/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đặng Đức H, sinh ngày 24/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thoả thuận, thay đổi khác là phù hợp và đảm bảo được quyền và lợi ích của các con chung. Xét các đương sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung với nhau phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N, cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Đặng Đức T.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Đặng Vân A, sinh ngày 17/5/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đặng Đức H, sinh ngày 24/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận, thay đổi khác. Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngọc đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0003122 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu